

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Hùng

2. Bà Trần Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 862/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 (Thụ lý theo Quyết định chuyển vụ án số 258/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ) về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 44, Ấp P, xã H, huyện X, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị C trình bày tóm tắt như sau: Chị và anh Nguyễn Hữu Đ tự tìm hiểu, quen biết nhau được khoảng vài tháng thì quyết định tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2017. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào tháng 6/2017. Ngay sau khi cưới thì phát sinh mâu thuẫn, do chị phát hiện anh Đ có liên quan đến cờ bạc, giang hồ và không lo làm ăn. Thời gian sau đó, vợ chồng chuyển về Long An sinh sống thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong công việc, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã

trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị C xác định chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị C xác định chị và anh Đ có tài sản chung, có nợ chung, nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 28/8/2018 và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hữu Đ trình bày tóm tắt như sau: Anh thống nhất với ý kiến của chị C về thời gian quen biết, kết hôn, cưới nhau. Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Đ nêu vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Do chị C yêu cầu anh đi làm Công ty nhưng anh không đồng ý mà chỉ muốn buôn bán tự do nên mới bất đồng quan điểm. Ngoài ra, trong thời gian chung sống chị C đã tự ý bỏ nhà đi 04 lần và còn có 02 lần cầm dao đe dọa anh khi vợ chồng cãi vã, nhưng do anh thương vợ nên bỏ qua tất cả. Chị C nêu anh có liên quan đến cờ bạc, giang hồ là không đúng sự thật. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn quá thương chị C. Anh cam kết sẽ khắc phục những hạn chế, thiếu sót để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh Đ nêu anh và chị C chưa có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ nêu vợ chồng có tài sản chung, có nợ chung và yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và qua thẩm tra tại phiên tòa, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Đ đã tồn tại nhiều mâu thuẫn. Chị C xác định không có tình cảm thương yêu gì anh Đ và cương quyết ly hôn. Trong khi anh Đ không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục chị C đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh Đ là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, anh Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Đ không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra chứng cứ, hòa giải. Chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Hữu Đ tiếp tục có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết việc chia tài sản chung của anh và chị C. Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình thụ lý vụ án, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Anh Đ đưa ra yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận và công khai chứng cứ và cũng đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đã quá thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, nên Hội đồng xét xử không xem xét việc chia tài sản chung, nợ chung của anh Đ và chị C trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung, nợ chung bằng một vụ kiện khác.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị C và anh Đ cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/3/2017, nên quan hệ hôn nhân của chị C và anh Đ là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị C thấy rằng: Chị C và anh Đ đều thừa nhận vợ chồng có một số mâu thuẫn, mặc dù hai bên trình bày về mâu thuẫn không giống nhau. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, các bên không thể hiện ý chí muốn hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa, anh Đ nêu vẫn còn thương chị C và không muốn ly hôn, nhưng anh Đ không đưa ra được biện pháp nào để thuyết phục chị C đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chủ yếu nêu ra những vấn đề liên quan đến việc giải quyết tài sản chung, nợ chung thì mới ly hôn. Trong khi, chị C thể hiện ý chí cương quyết ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh Đ.

[2.3] Về con chung: Chị C và anh Đ đều thống nhất xác định cả hai chưa có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Trần Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn Nguyễn Hữu Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; Các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.
2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp theo biên lai thu số 008775 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đ sang thi hành án phí, nên chị C không phải nộp tiếp. Anh Nguyễn Hữu Đ không phải chịu án phí.
3. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh